

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Số: /TTr-CHHĐTVN

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-BXD ngày 29/01/2026 của Bộ Xây dựng về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, trong đó tại mục 24, phụ lục 3 của Quyết định giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xây dựng dự thảo “*Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng*” (sau đây gọi là dự thảo Thông tư);

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (Cục HHĐTVN) kính trình Bộ Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở quán triệt và thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công tác xây dựng pháp luật:

- Căn cứ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, yêu cầu việc ban hành văn bản phải tuân thủ nghiêm các quy trình, bảo đảm tính minh bạch, khách quan, loại trừ nguy cơ lợi ích nhóm, cục bộ.

- Căn cứ Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội khóa XV về kỳ họp thứ 6, nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường giám sát, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật.

- Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong quá trình ban hành văn bản.

1.2. Cơ sở pháp lý

Việc xây dựng dự thảo Thông tư tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành:

- Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;
- Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là Nghị định số 32);
- Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/6/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024;
- Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (sau đây gọi là Thông tư số 45);
- Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BXD ngày 28/5/2025 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chế soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-BXD ngày 29/01/2026 của Bộ Xây dựng về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026;
- Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Công tác cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và Biểu 02 Phụ lục I Nghị định số 32 dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Giá số 11/2012/QH13, Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đã ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 hướng dẫn giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng (sau đây gọi là Thông tư số 37). Đây là Thông tư do Bộ GTVT ban hành để hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải.

Thông tư số 37 đã đáp ứng yêu cầu của việc hướng dẫn lập và quản lý giá dịch vụ công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, đặc biệt trong việc kiểm soát công tác lập phương án giá và định giá phù hợp với công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công. Tại Thông tư số 37 có hướng dẫn cụ thể về kết cấu và phương pháp xác định giá, quy định tỷ lệ % để xác định chi phí chung, chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình, lợi nhuận.

2.2. Vương mắc khi thực hiện theo Luật giá mới

Trước ngày 01/7/2024, việc quản lý giá và phương pháp định giá thực hiện theo Thông tư số 37.

Từ ngày 01/07/2024, Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 có hiệu lực, theo quy định tại 2 Điều 23¹ Luật Giá: Bộ Tài chính ban hành phương pháp xác định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Theo đó, ngày 01/07/2024, Bộ Tài chính có Thông tư số 45/2024/TT-BTC ban hành phương pháp xác định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá việc xác định (sau đây gọi là Thông tư số 45).

Tại Thông tư số 45 hướng dẫn 02 phương pháp định giá chung là phương pháp chi phí và phương pháp so sánh. Đối với dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải chỉ áp dụng được ***phương pháp chi phí*** do tính chất công việc của dịch vụ này được hình thành trên cơ sở đơn giá, định mức và các chi phí khác để cấu thành giá.

Thông tư số 45 hướng dẫn phương pháp chi phí đưa ra nguyên tắc chung và hướng dẫn xác định cho: (1) Giá hàng hóa, dịch vụ tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại; (2) Giá hàng hóa nhập khẩu; (3) Giá hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước. Tổng quát chung về giá sản xuất, dịch vụ bao gồm: Chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp); chi phí sản xuất chung; chi phí hợp lệ, hợp lý khác; chi phí bán hàng (nếu có); chi phí quản lý (nếu có); chi phí tài chính (nếu có); lợi nhuận. Trong đó đã nêu hướng dẫn chung đối với các chi phí như chi phí chung, chi phí quản lý, lợi nhuận, chi phí sửa chữa tài sản tuy nhiên không quy định cụ thể các tỷ lệ (%) để xác định chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận tương ứng với từng

¹ 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trường hợp khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nội dung cụ thể cần hướng dẫn gửi Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn thực hiện.

dịch vụ như tại Thông tư số 37/2021/TT-BGTVT.

Vì vậy, khi áp dụng phương pháp định giá chung theo quy định tại Thông tư số 45 sẽ khó khăn trong việc xây dựng phương án giá cũng như thẩm định phương án giá.

3. Sự cần thiết phải ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Nghị định số 32 và Thông tư số 45 dẫn chiếu một số điều khoản liên quan đến thẩm quyền ban hành định mức đối với các bộ, cơ quan trung ương và trách nhiệm trong việc rà soát, bổ sung định mức như sau:

- Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32 quy định: “*Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành*”.

- Điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền: “*Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công.*”

- Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 45 quy định: “*.....Cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do mình ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.*”

Trong bối cảnh thực hiện theo Luật Giá ngày 19/6/2023 và Thông tư số 45 của Bộ Tài chính, căn cứ yêu cầu của công tác đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải, việc xây dựng và ban hành đủ hệ thống định mức để xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải là rất cần thiết nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập hiện nay, bảo đảm việc triển khai hoạt động này đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Từ những phân tích nêu trên, việc xây dựng định mức chi phí làm cơ sở áp dụng cho giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH THÔNG TƯ, PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ SỐ LIỆU

1. Mục đích ban hành Thông tư

- Xây dựng các định mức chi phí cụ thể cho các nội dung chi (*chi phí sản xuất chung; chi phí quản lý; lợi nhuận*) trong giá dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng) - sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng, chưa được quy định tại văn bản quy

phạm pháp luật nào sau khi Thông tư số 37 hết hiệu lực áp dụng theo Luật giá số 16/2023/QH15.

- Làm công cụ để phục vụ công tác xây dựng, thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Phương pháp thống kê số liệu xác định tỷ lệ định mức chi phí.

- Sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp số liệu 05 năm theo Biên bản quyết toán đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải từ năm 2021-2024 của các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, miền Nam và Biên bản quyết toán đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải năm 2025 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty).

+ Số liệu thống kê gồm: chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình, chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung, lợi nhuận.

+ Từ năm 2021-2024: chi phí nhân công trực tiếp **không** bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của lao động trực tiếp; chi phí chung **bao gồm** chi phí sản xuất chung (tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty) và chi phí quản lý của Tổng công ty.

+ Năm 2025: chi phí nhân công trực tiếp bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của lao động trực tiếp; chi phí sản xuất chung (tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty) và chi phí quản lý của Tổng công ty đã tách riêng.

Do vậy để đảm bảo tính thống nhất của nội dung chi phí theo quy định tại Thông tư số 45, chi phí nhân công và chi phí chung từ năm 2021-2024 được xác định lại theo kết cấu năm 2025 như sau: chi phí nhân công bổ sung bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của lao động trực tiếp; chi phí chung phân bổ thành chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý theo tỷ lệ giữa chi phí sản xuất chung tại đơn vị trực thuộc Tổng công ty và chi phí quản lý của Tổng công ty theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2021-2024.

- Kết cấu các nội dung chi của giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải theo phương pháp, kết cấu chung do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 45;

Giá dịch vụ sự nghiệp công	=	Giá thành dịch vụ sự nghiệp công	+	Lợi nhuận dự kiến	+	Thuế giá trị gia tăng
<i>Ghi chú</i>				<i>Xây dựng định mức tỷ lệ</i>		

Trong đó: Giá thành dịch vụ sự nghiệp công như sau:

STT	Nội dung	Ghi chú
A	SẢN LƯỢNG TÍNH GIÁ DỊCH VỤ	
B	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT DỊCH VỤ	
1	Chi phí vật tư trực tiếp	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	
-	<i>Lương nhân công trực tiếp</i>	
-	<i>Chi BHXH, BHYT, BHTN</i>	
-	<i>Kinh phí công đoàn</i>	
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp	
4	Chi phí sản xuất chung	
4.1	<i>Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)</i>	Xây dựng định mức tỷ lệ
4.2	<i>Chi phí sửa chữa cơ khí</i>	Xây dựng định mức tỷ lệ
4.3	<i>Chi phí sửa chữa công trình</i>	Xây dựng định mức tỷ lệ
5	Chi phí hợp lý, hợp lệ khác, trong đó có:	
C	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Xây dựng định mức tỷ lệ
D	TỔNG CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH	
	Giảm thu HĐTC	
E	GIÁ THÀNH MỘT (01) ĐƠN VỊ DỊCH VỤ	

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Cục HHĐTVN đã thực hiện đúng quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cục HHĐTVN đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-CHHĐTVN ngày 02/3/2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Dự thảo Thông tư đã được tổ chức các cuộc họp trực tiếp của các thành viên tổ để thảo luận và xây dựng hoàn thiện các nội dung và phục lục kèm

theo dự thảo Thông tư.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Cục HHĐTVN tuân thủ đầy đủ các quy định của quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời tiến hành rà soát, đối chiếu các quy định của pháp luật liên quan nhằm tránh sự chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục của dự thảo Thông tư:

Dự thảo của Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên gồm 3 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức chi phí và định mức lợi nhuận

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Một số nội dung cơ bản của Thông tư

Trên cơ sở đề xuất của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam tại văn bản số 2520/VMSC-TCKT ngày 26/5/2025 về việc xây dựng Thông tư định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên, Cục HHĐTVN kính báo cáo Bộ Xây dựng các nội dung đưa vào dự thảo Thông tư gồm:

2.1. Định mức chi phí sản xuất chung

Định mức chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Định mức chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)

- Định mức chi phí sửa chữa cơ khí

- Định mức chi phí sửa chữa công trình

2.1.1. Định mức chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình)

a) Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình) bao gồm các chi phí phục vụ hoạt động chung của các đơn vị bảo đảm hàng hải (là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, trực tiếp sản xuất phục vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định pháp luật), gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý tại đơn vị bảo đảm hàng hải: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công

đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Chi phí vật tư dùng cho đơn vị bảo đảm hàng hải như: vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng chung, vật tư dùng cho quản lý, chi phí lán trại tạm thời (nếu có).

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động chung tại đơn vị bảo đảm hàng hải thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động tại đơn vị bảo đảm hàng hải như: chi phí điện, nước, điện thoại, bảo hiểm phương tiện, bảo hộ lao động, đồng phục, trang bị hành chính, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định dùng chung và trang thiết bị hành chính tại đơn vị bảo đảm hàng hải, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có), chi phí mua ngoài khác (nếu có).

- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động của đơn vị bảo đảm hàng hải.

b) Phương pháp xác định

- Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình) được xác định bằng chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình)

$$C_C = C_{NC} \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ chi phí phục vụ sản xuất chung}$$

- Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình) được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất chung chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, công trình chia cho chi phí nhân công trực tiếp. Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình) đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân giai đoạn từ năm 2021 - 2025, chi tiết như sau:

$$T_{CC} = \frac{C_C}{C_{NC}} \times 100\%$$

Trong đó:

+ T_{CC} là tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình).

+ C_C là chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí và chi phí sửa chữa công trình).

+ C_{NC} là chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí

công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2.1.2. Định mức chi phí sửa chữa cơ khí

a) Chi phí sửa chữa cơ khí

Chi phí sửa chữa cơ khí là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: phương tiện thủy, bộ; máy phát điện; phao báo hiệu hàng hải; thiết bị báo hiệu hàng hải và thiết bị nguồn năng lượng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và các tài sản trực tiếp khác phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng.

b) Phương pháp xác định

- Chi phí sửa chữa cơ khí của dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định bằng chi phí vật tư trực tiếp (VL) và chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa cơ khí :

$$C_{CK} = (VL + C_{NC}) \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)}$$

- Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa cơ khí (T_{CK}) được xác định trên cơ sở chi phí sửa chữa cơ khí chia cho chi phí vật tư trực tiếp (VL) và chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}). Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa cơ khí đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân giai đoạn từ năm 2021 –2025, chi tiết như sau:

$$T_{CK} = \frac{C_{CK}}{VL + C_{NC}} \times 100\%$$

Trong đó:

+ T_{CK} : tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa cơ khí.

+ C_{CK} : chi phí sửa chữa cơ khí.

+ VL : chi phí nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất.

+ C_{NC} là chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2.1.3. Định mức chi phí sửa chữa công trình

a) Chi phí sửa chữa công trình

Chi phí sửa chữa công trình là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: công trình đèn biển, đăng tiêu độc lập, nhà trạm và công trình phụ trợ gắn với đèn biển,

đăng tiêu độc lập; nhà trạm, cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu, đăng tiêu báo hiệu luồng hàng hải công cộng; khu hậu cứ và các tài sản trực tiếp khác phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng.

b) Phương pháp xác định

- Chi phí sửa chữa công trình của dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định bằng chi phí vật tư trực tiếp (VL) và chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa công trình:

$$C_{CT} = (VL + C_{NC}) \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)}$$

- Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa công trình (T_{CT}) được xác định trên cơ sở chi phí sửa chữa công trình chia cho chi phí vật tư trực tiếp (VL) và chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}).

Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa công trình phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân 03 năm từ năm 2023 - 2025, năm 2021 và năm 2022 không có số liệu do công tác bảo trì sửa chữa các trạm đèn biển, đăng tiêu độc lập chưa được hướng dẫn thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa công trình phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân 04 năm từ năm 2022 - 2025, do số liệu chi phí sửa chữa công trình năm 2021 có sự biến động lớn so với các năm còn lại nên đề xuất không đưa vào xác định tỷ lệ để đảm bảo tính ổn định bình quân của chuỗi số liệu thống kê.

$$T_{CT} = \frac{C_{CT}}{VL + C_{NC}} \times 100\%$$

Trong đó:

- + T_{CT} : tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sửa chữa thường xuyên cơ khí.
- + C_{CT} : chi phí sửa chữa công trình.
- + VL : chi phí nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất.

+ C_{NC} là chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2.2. Định mức chi phí quản lý :

a. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý bao gồm các chi phí phục vụ công tác quản lý của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho bộ phận quản lý như tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

- Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

- Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

b. Phương pháp xác định

Chi phí quản lý được xác định bằng chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý.

$$C_{QL} = C_{NC} \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ chi phí quản lý}$$

- Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý được xác định trên cơ sở chi phí quản lý chia cho chi phí nhân công trực tiếp. Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý (T_{QL}) đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân giai đoạn từ năm 2021 – 2025, chi tiết như sau:

$$T_{QL} = \frac{C_{QL}}{C_{NC}} \times 100\%$$

Trong đó:

+ T_{QL} là tỷ lệ phần trăm chi phí quản lý.

+ C_{QL} là chi phí quản lý.

+ C_{NC} là chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2.3. Định mức lợi nhuận

a) Nguyên tắc xác định lợi nhuận

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 45: về phương pháp xác định mức lợi nhuận

“b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ mà chưa có lưu thông trên thị trường hoặc chưa có những hàng hóa, dịch vụ tương tự được sản xuất và lưu thông trên thị trường: mức lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đảm bảo không vượt mức trích lập hai (02) quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo quy định của pháp luật; hoặc mức lợi nhuận tối đa hoặc tỷ suất lợi nhuận tối đa được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của đơn vị đã được kiểm toán gần nhất hoặc quyết toán gần nhất với thời điểm xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác mà đơn vị đã và đang sản xuất, kinh doanh”.

Theo quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp :

“b1) Doanh nghiệp xếp loại A được trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại B được trích không quá 02 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại C được trích không quá 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp có vốn nhà nước”.

Hàng năm Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam đều được xếp loại doanh nghiệp là loại A. Theo quy định trên, Tổng công ty được trích tối đa 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Tại văn bản số 2520/VMSC-TCKT ngày 26/5/2025, Tổng công ty đề nghị mức trích lợi nhuận là 2 tháng lương thực hiện, đảm bảo không vượt mức trích lập hai (02) quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên để đảm bảo tiết kiệm Ngân sách nhà nước, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đề nghị mức trích lợi nhuận căn cứ giá trị quyết toán hàng năm, đảm bảo không vượt mức trích lập hai (02) quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo quy định của pháp luật.

b. Phương pháp xác định

- Lợi nhuận cho dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định bằng Tổng chi phí sản xuất kinh doanh (TC) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận.

$$LN = TC \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ lợi nhuận}$$

- Tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận được xác định trên cơ sở lợi nhuận chia cho tổng chi phí sản xuất, kinh doanh (TC). Tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận dự kiến đề xuất đưa vào xây dựng thông tư là tỷ lệ bình quân giai đoạn từ năm 2021 - 2025, chi tiết như sau:

$$T_{LN} = \frac{LN}{TC} \times 100\%$$

Trong đó:

+ T_{LN} là tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận.

+ LN là lợi nhuận dự kiến.

+ TC là tổng chi phí sản xuất, kinh doanh gồm: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp; chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình); chi phí hợp lý, hợp lệ khác chi phí quản lý.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Bảng định mức các tỷ lệ chi phí, lợi nhuận đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư như sau:

Đơn vị tính: tỷ lệ %

STT	Định mức chi phí, lợi nhuận	Dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập	Dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
1	Chi phí sản xuất chung		
a	Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)	17,1	14,4
b	Chi phí sửa chữa cơ khí	7,5	21,2
c	Chi phí sửa chữa công trình	3,3	1,4
2	Chi phí quản lý	16,9	19,2
3	Lợi nhuận	7,7	7,3

Hồ sơ trình dự thảo Thông tư gồm:

1. Tờ trình dự thảo Thông tư;
2. Dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
3. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo Thông tư.
4. Bảng so sánh những điểm mới của dự thảo Thông tư so với kết cấu của Thông tư 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024.

Trên đây là Tờ trình và hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xin kính trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó cục trưởng;
- Các Vụ: KH-TC, Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Các phòng: KHCN&MT, TCCB, KCHT;
- Tổng công ty BĐATHHVN;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

Phụ lục 5

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN ĐẠT HÀNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP NĂM 2021-2024

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN
1	Chi phí vật tư trực tiếp (VL)	8.599.384.107	20.000.078.953	13.708.323.188	27.716.671.563	13.984.254.587	22.968.969.176	13.124.538.926	21.686.776.819
2	Chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)	68.963.398.618	109.002.815.030	69.167.993.763	104.304.079.100	72.968.331.421	111.914.398.219	79.473.902.518	120.204.243.580
3	Chi phí chung, trong đó:	31.829.581.976	49.863.478.834	29.949.741.299	45.163.666.251	31.595.287.505	48.458.934.429	34.412.199.791	52.048.437.470
-	<i>Chi BHXH, BHYT, BHTN</i>	4.648.755.023	7.760.081.291	4.024.843.027	6.931.871.567	4.166.180.723	7.541.649.830	4.538.381.606	7.965.490.646
-	<i>Kinh phí công đoàn</i>	442.765.770	731.055.384	392.063.968	674.333.196	387.619.314	701.706.458	422.388.369	740.803.072
-	<i>Phân bổ chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)</i>	11.994.680.852	21.952.451.324	12.717.634.399	18.566.840.723	11.235.285.592	19.176.832.261	16.744.201.923	20.672.640.584
-	<i>Phân bổ chi phí quản lý</i>	14.743.380.331	19.419.890.836	12.815.199.905	18.990.620.766	15.806.201.876	21.038.745.880	12.707.227.892	22.669.503.169
4	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.223.050.000	8.122.648.795	5.851.510.576	10.437.440.590	10.375.812.834	16.631.992.690	10.474.531.007	18.142.961.186
-	<i>Sửa chữa cơ khí</i>	6.223.050.000	8.122.648.795	5.851.510.576	10.437.440.590	7.131.014.081	11.997.840.658	7.300.472.207	13.273.370.318
-	<i>Sửa chữa công trình</i>		0			3.244.798.753	4.634.152.032	3.174.058.800	4.869.590.868

Phụ lục 6

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN ĐẠT HÀNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG NĂM 2021-2024

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN	TCTBĐATHH MB	TCTBĐATHH MN
1	Chi phí vật tư trực tiếp (VL)	41.851.434.566	69.851.661.835	57.281.655.109	103.148.190.068	54.445.335.258	96.640.334.653	51.298.112.503	93.807.398.351
2	Chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)	88.792.181.719	92.147.064.084	84.220.668.209	92.037.692.847	103.066.934.035	101.578.824.546	109.065.789.300	107.807.926.094
3	Chi phí chung, trong đó:	40.909.055.625	42.282.582.236	36.467.549.335	39.852.321.003	44.627.982.437	43.983.631.028	47.225.486.768	46.680.831.999
-	<i>Chi BHXH, BHYT, BHTN</i>	<i>7.005.609.967</i>	<i>5.977.849.422</i>	<i>6.111.126.527</i>	<i>5.265.355.008</i>	<i>7.027.419.155</i>	<i>6.101.971.905</i>	<i>7.603.263.986</i>	<i>6.335.929.266</i>
-	<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>667.545.180</i>	<i>565.634.781</i>	<i>595.623.528</i>	<i>512.157.129</i>	<i>653.522.698</i>	<i>567.502.933</i>	<i>707.184.158</i>	<i>589.327.501</i>
-	<i>Phân bổ chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)</i>	<i>47.420.683.096</i>	<i>57.449.410.363</i>	<i>46.126.909.353</i>	<i>53.372.548.174</i>	<i>51.486.997.304</i>	<i>64.420.975.872</i>	<i>57.223.038.599</i>	<i>69.792.717.073</i>
-	<i>Phân bổ chi phí quản lý</i>	<i>18.326.292.174</i>	<i>22.112.945.120</i>	<i>14.826.290.614</i>	<i>21.818.494.335</i>	<i>21.596.163.409</i>	<i>25.338.856.423</i>	<i>16.790.433.176</i>	<i>26.860.350.326</i>
4	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	32.511.074.793	43.823.257.450	31.192.400.688	41.116.233.642	36.136.120.130	52.445.676.104	35.098.433.150	56.897.492.168
-	<i>Sửa chữa cơ khí</i>	<i>28.067.488.292</i>	<i>36.388.379.935</i>	<i>28.971.833.999</i>	<i>37.821.590.533</i>	<i>33.915.735.699</i>	<i>48.229.221.485</i>	<i>32.937.113.145</i>	<i>54.607.748.891</i>
-	<i>Sửa chữa công trình</i>	<i>4.443.586.501</i>	<i>7.434.877.515</i>	<i>2.220.566.689</i>	<i>3.294.643.109</i>	<i>2.220.384.431</i>	<i>4.216.454.619</i>	<i>2.161.320.005</i>	<i>2.289.743.277</i>

Phụ lục 7

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN ĐẶT HÀNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP VÀ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dịch vụ vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập	Dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng
1	Chi phí vật tư trực tiếp (VL)	41.816.633.515	137.926.583.551
2	Chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)	233.018.663.263	273.176.040.795
-	<i>Lương nhân công trực tiếp</i>	<i>219.116.678.713</i>	<i>249.445.087.071</i>
-	<i>Chi BHXH, BHYT, BHTN</i>	<i>12.718.874.804</i>	<i>21.711.420.800</i>
-	<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>1.183.109.745</i>	<i>2.019.532.925</i>
4	Chi phí sản xuất chung	67.327.596.718	132.831.623.941
4.1	Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)	41.691.300.484	42.052.087.641
4.2	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	25.636.296.233	90.779.536.300
-	<i>Sửa chữa cơ khí</i>	<i>16.803.327.961</i>	<i>85.920.295.860</i>
-	<i>Sửa chữa công trình</i>	<i>8.832.968.272</i>	<i>4.859.240.440</i>
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ	34.856.386.252	44.941.321.742

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo lần 1
29.5.2026

THÔNG TƯ

Ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành định mức chi phí áp dụng trong giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng, gồm:

a) Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập.

b) Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng); sau đây gọi là (dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam).

c) Các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức chi phí và định mức lợi nhuận

1. Định mức chi phí sản xuất chung

a) Định mức chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình).

b) Định mức chi phí sửa chữa cơ khí.

c) Định mức chi phí sửa chữa công trình.

2. Định mức chi phí quản lý.

3. Định mức lợi nhuận.

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và áp dụng từ năm tài chính 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức chi phí nêu tại Điều 2 Thông tư này để báo cáo Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ XD;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

BỘ TRƯỞNG**Trần Hồng Minh**

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ,
ĐỊNH MỨC LỢI NHUẬN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày / /2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I. Hướng dẫn áp dụng các định mức chi phí

1. Chi phí sản xuất chung

a) Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)

Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình) bao gồm các chi phí phục vụ hoạt động chung của các đơn vị bảo đảm hàng hải (là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, trực tiếp sản xuất phục vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định pháp luật), gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý tại đơn vị bảo đảm hàng hải: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Chi phí vật tư dùng cho đơn vị bảo đảm hàng hải như: vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng chung, vật tư dùng cho quản lý, chi phí lán trại tạm thời (nếu có).

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động chung tại đơn vị bảo đảm hàng hải thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động tại đơn vị bảo đảm hàng hải như: chi phí điện, nước, điện thoại, bảo hiểm phương tiện, bảo hộ lao động, đồng phục, trang bị hành chính, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định dùng chung và trang thiết bị hành chính tại đơn vị bảo đảm hàng hải, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có), chi phí mua ngoài khác (nếu có).

- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động của đơn vị bảo đảm hàng hải.

b) Chi phí sửa chữa cơ khí

Chi phí sửa chữa cơ khí là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: phương tiện thủy, bộ; máy phát điện; phao báo hiệu hàng hải; thiết bị báo hiệu hàng hải và thiết bị nguồn năng lượng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và các

tài sản trực tiếp khác phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng.

Định mức chi phí sửa chữa cơ khí được áp dụng để xác định chi phí sửa chữa cơ khí trong công tác lập, thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Chi phí sửa chữa cơ khí quyết toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế.

c) Chi phí sửa chữa công trình

Chi phí sửa chữa công trình là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: công trình đèn biển, đăng tiêu độc lập, nhà trạm và công trình phụ trợ gắn với đèn biển, đăng tiêu độc lập; nhà trạm, cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu, đăng tiêu báo hiệu luồng hàng hải công cộng; khu hậu cứ và các tài sản trực tiếp khác phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng.

Định mức chi phí sửa chữa công trình được áp dụng để xác định chi phí sửa chữa công trình trong công tác lập, thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Chi phí sửa chữa công trình quyết toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế.

2. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý bao gồm các chi phí phục vụ công tác quản lý của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho bộ phận quản lý như tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

- Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi

nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

- Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

Những nội dung chi phí đã được xác định tại chi phí phục vụ sản xuất chung tại điểm a, khoản 1, mục I Phụ lục này không được tính vào chi phí quản lý tại khoản 2 này.

3. Lợi nhuận

Lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí sản xuất kinh doanh gồm: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp; chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, công trình); chi phí hợp lý, hợp lệ khác; chi phí quản lý.

II. Phương pháp xác định các chi phí, lợi nhuận

1. Chi phí sản xuất chung

a) Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình): được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (*ban hành tại mục III Phụ lục này*) nhân với chi phí nhân công trực tiếp.

b) Chi phí sửa chữa cơ khí được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (*ban hành tại mục III Phụ lục này*) nhân với (tổng chi phí vật tư trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp).

c) Chi phí sửa chữa công trình được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (*ban hành tại mục III Phụ lục này*) nhân với (tổng chi phí vật tư trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp).

2. Chi phí quản lý

Được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (*ban hành tại mục III Phụ lục này*) nhân với chi phí nhân công trực tiếp.

3. Lợi nhuận

Được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (*ban hành tại mục III Phụ lục này*) nhân với tổng chi phí sản xuất, kinh doanh.

Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các chi phí: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp; chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình); chi phí hợp lý, hợp lệ khác; chi phí quản lý.

Chi phí nhân công trực tiếp gồm các khoản tiền phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương, chi phí tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

III. Định mức các chi phí, lợi nhuận

Đơn vị tính: tỷ lệ (%)

STT	Định mức chi phí, lợi nhuận	Dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập	Dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
1	Chi phí sản xuất chung		
a	Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình)	17,1	14,4
b	Chi phí sửa chữa cơ khí	7,5	21,2
c	Chi phí sửa chữa công trình	3,3	1,4
2	Chi phí quản lý	16,9	19,2
3	Lợi nhuận	7,7	7,3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng

(Kèm theo tờ trình số /TTr-CHHĐTVN ngày /5/2026
của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-BXD ngày 29/01/2026 của Bộ Xây dựng về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, trong đó tại mục 24, phụ lục 3 của Quyết định giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xây dựng dự thảo “*Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng*” (sau đây gọi là dự thảo Thông tư);

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (Cục HHĐTVN) kính báo cáo Bộ Xây dựng về đánh giá tác động của dự thảo Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Thông tư

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và Biểu 02 Phụ lục I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là Nghị định số 32) dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Giá số 11/2012/QH13, Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đã ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 hướng dẫn giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng (sau đây gọi là Thông tư số 37). Đây là Thông tư do Bộ GTVT ban hành để hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải.

Thông tư số 37 đã đáp ứng yêu cầu của việc hướng dẫn lập và quản lý giá

dịch vụ công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, đặc biệt trong việc kiểm soát công tác lập phương án giá và định giá phù hợp với công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công. Tại Thông tư số 37 có hướng dẫn cụ thể về kết cấu và phương pháp xác định giá, quy định tỷ lệ % để xác định chi phí chung, chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình, lợi nhuận.

Từ ngày 01/07/2024, Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 có hiệu lực, theo quy định tại 2 Điều 23¹ Luật Giá: Bộ Tài chính ban hành phương pháp xác định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Theo đó, ngày 01/07/2024, Bộ Tài chính có Thông tư số 45/2024/TT-BTC ban hành phương pháp xác định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá việc xác định (sau đây gọi là Thông tư số 45).

Tại Thông tư số 45 hướng dẫn 02 phương pháp định giá chung là phương pháp chi phí và phương pháp so sánh. Đối với dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải chỉ áp dụng được **phương pháp chi phí** do tính chất công việc của dịch vụ này được hình thành trên cơ sở đơn giá, định mức và các chi phí khác để cấu thành giá.

Thông tư số 45 hướng dẫn phương pháp chi phí đưa ra nguyên tắc chung và hướng dẫn xác định cho:

- (1) Giá hàng hóa, dịch vụ tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại;
- (2) Giá hàng hóa nhập khẩu;
- (3) Giá hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước.

Tổng quát chung về giá sản xuất, dịch vụ bao gồm: Chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp); chi phí sản xuất chung; chi phí hợp lệ, hợp lý khác; chi phí bán hàng (nếu có); chi phí quản lý (nếu có); chi phí tài chính (nếu có); lợi nhuận. Trong đó đã nêu hướng dẫn chung đối với các chi phí như chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận, chi phí sửa chữa tài sản và nội dung các công việc cho các chi phí đó tuy nhiên không ban hành cụ thể các định mức chi phí tương ứng với từng chi phí như đã quy định tại Thông tư số 37. Vì vậy, khi áp dụng phương pháp định giá chung theo quy định tại Thông tư số 45 sẽ khó khăn trong việc xây dựng phương án giá cũng như thẩm định phương án giá.

- Nghị định số 32 và Thông tư số 45 cũng dẫn chiếu một số điều khoản liên quan đến thẩm quyền ban hành định mức và rà soát, bổ sung định mức:

- Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32 quy định: *“Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành”*.

¹ 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trường hợp khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nội dung cụ thể cần hướng dẫn gửi Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn thực hiện.

- Điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền: “*Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công.*”

- Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 45 quy định: “.....*Cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do mình ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.*”

Trong bối cảnh thực hiện theo Luật Giá ngày 19/6/2023 và Thông tư số 45 của Bộ Tài chính, căn cứ yêu cầu của công tác đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải, việc xây dựng và ban hành đủ hệ thống định mức để xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải là rất cần thiết nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập hiện nay, bảo đảm việc triển khai hoạt động này đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

2. Mục tiêu xây dựng dự thảo Thông tư

Thông tư được ban hành nhằm hoàn thiện phương pháp xác định các chi phí hình thành giá đối với dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TƯ

Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư đưa ra chính sách về định mức cụ thể cho các chi phí nằm trong kết cấu giá khi thực hiện việc định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải theo phương pháp định giá chung do Bộ Tài chính ban hành.

1. Xác định vấn đề bất cập

a) Thực trạng:

Khoản 2 Điều 5 và Biểu 02 Phụ lục I Nghị định số 32, dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Trước ngày 01/7/2024, việc quản lý giá và phương pháp định giá thực hiện theo Thông tư số 37.

Thông tư số 37 đã đáp ứng yêu cầu của việc hướng dẫn lập và quản lý giá dịch vụ công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, đặc biệt trong việc kiểm soát công tác lập phương án giá và định giá phù hợp với công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công. Tại Thông tư số 37 có hướng dẫn cụ thể về kết cấu và phương pháp xác định giá, quy định tỷ lệ % để xác định chi phí chung, chi phí sửa chữa cơ khí, chi sửa chữa công trình, lợi nhuận.

b) Tồn tại, bất cập và nguyên nhân:

Từ ngày 01/07/2024, Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 có hiệu lực, việc quản lý giá và phương pháp định giá thực hiện theo Thông tư số 45.

Tại Thông tư số 45 hướng dẫn 02 phương pháp định giá chung đó là

phương pháp chi phí và phương pháp so sánh. Đối với dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải chỉ áp dụng được phương pháp chi phí do tính chất công việc của dịch vụ này được hình thành trên cơ sở đơn giá, định mức và các chi phí khác để cấu thành giá.

Thông tư số 45 đã nêu hướng dẫn chung đối với các chi phí như chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận, chi phí sửa chữa tài sản và nội dung các công việc cho các chi phí đó tuy nhiên không ban hành cụ thể các định mức chi phí tương ứng với từng chi phí như đã quy định tại Thông tư số 37. Vì vậy, khi áp dụng phương pháp định giá chung theo quy định tại Thông tư số 45 sẽ khó khăn trong việc xây dựng phương án giá cũng như thẩm định phương án giá.

Thông tư số 37/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 đã hết hiệu lực áp dụng, vì vậy Bộ Xây dựng sẽ trực tiếp thẩm định, định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 21 và phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Theo khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32: *“Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành”*.

- Theo điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32: *“Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công.”*

- Theo Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 45: *“.....Cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do mình ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.”*

Hiện nay định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải đã được ban hành, tuy nhiên chưa có định mức chi phí: sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Thông tư quy định định mức chi phí áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải là cần thiết và thuộc thẩm quyền của các Bộ chuyên ngành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32.

1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

Việc ban hành Thông tư định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải đối với các định mức: chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận, sẽ tạo thuận lợi cho công tác xây dựng và thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Việc ban hành Thông tư định mức chi phí nêu trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải mà

tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập, thẩm định, định giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải.

1.5. Đánh giá về thủ tục hành chính

Dự thảo Thông tư không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

III. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Xây dựng.
2. Cơ quan giám sát, đánh giá thực hiện chính sách: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, ban hành Thông tư định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kính báo cáo./.

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC CHI PHÍ

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-CHHĐTVN ngày/5/2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC		Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
Nội dung chi phí	Cách xác định	Cách xác định	
I. Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ		Không xây dựng, thực hiện theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC	Đảm bảo tuân thủ theo kết cấu chung của Bộ Tài chính và nội dung các chi phí là tương tự nhau.
1. Chi phí vật tư trực tiếp			
2. Chi phí nhân công trực tiếp			
3. Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp			
4. Chi phí sản xuất chung			
4.1. Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình).	Chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, chi phí sửa chữa công trình) bao gồm các chi phí phục vụ hoạt động chung của các đơn vị bảo đảm hàng hải (là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, trực tiếp sản xuất phục vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định pháp luật), gồm: - Chi phí nhân viên quản lý tại đơn vị bảo đảm hàng hải: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý và khoản trích bảo	Chi phí sản xuất chung (C _C) = C _{NC} x tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung.	Đảm bảo tuân thủ theo kết cấu chung của Bộ Tài chính và nội dung các chi phí là tương tự nhau.

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC	Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
<p>hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí vật tư dùng cho đơn vị bảo đảm hàng hải như: vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng chung, vật tư dùng cho quản lý, chi phí lán trại tạm thời (nếu có). - Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động chung tại đơn vị bảo đảm hàng hải thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. - Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động tại đơn vị bảo đảm hàng hải như: chi phí điện, nước, điện thoại, bảo hiểm phươg tiện, bảo hộ lao động, đồng phục, trang bị hành chính, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định dùng chung và trang thiết bị hành chính tại đơn vị bảo đảm hàng hải, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có), chi phí mua ngoài khác (nếu có). - Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động của đơn vị bảo 		

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC		Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
	đảm hàng hải.		
4.1. Chi phí sửa chữa cơ khí	<p>- Chi phí sửa chữa cơ khí là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: phương tiện thủy, bộ; máy phát điện; phao báo hiệu hàng hải; thiết bị báo hiệu hàng hải và thiết bị nguồn năng lượng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và các tài sản khác dùng chung phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng.</p> <p>- Định mức chi phí sửa chữa cơ khí được áp dụng để xác định chi phí sửa chữa cơ khí trong công tác lập, thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Chi phí sửa chữa cơ khí quyết toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế.</p>	$C_{CK} = (VL + C_{NC}) \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)}$	Đảm bảo tuân thủ theo kết cấu chung của Bộ Tài chính và nội dung các chi phí là tương tự nhau.
4.1. Chi phí sửa chữa công trình.	Chi phí sửa chữa công trình là chi phí để sửa chữa các tài sản gồm: công trình đèn biển, đăng tiêu độc lập, nhà trạm và công trình phụ trợ gắn với đèn biển, đăng tiêu độc lập; nhà trạm, cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu, đăng tiêu báo hiệu luồng hàng hải công cộng; khu hậu cứ và các tài sản cố định khác dùng chung phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên	$C_{CT} = (VL + C_{NC}) \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)}$	Đảm bảo tuân thủ theo kết cấu chung của Bộ Tài chính và nội dung các chi phí là tương tự nhau.

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC		Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
	<p>luồng hàng hải công cộng.</p> <p>Định mức chi phí sửa chữa công trình được áp dụng để xác định chi phí sửa chữa công trình trong công tác lập, thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Chi phí sửa chữa công trình quyết toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế.</p>		
5. Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định phục vụ sản xuất (chưa tính ở trên)		Không xây dựng thực hiện theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC (nếu có).	
II. Chi phí bán hàng (nếu có)		Không xây dựng thực hiện theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC (nếu có).	
III. Chi phí quản lý	<p>Chi phí quản lý bao gồm các chi phí phục vụ công tác quản lý của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho bộ phận quản lý như tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan; - Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý; 	<p>Chi phí quản lý (C_{QL}) = C_{NC} x tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý</p>	<p>Phù hợp với kết cấu tại Thông tư số 45/2023/TT-BTC</p>

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC	Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý; - Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; - Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có); - Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật; - Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp 		

Nội dung Thông tư số 45/2023/TT-BTC		Nội dung Dự thảo Thông tư định mức chi phí	Lý do
	luật.		
IV. Chi phí tài chính (nếu có)			
V. Lợi nhuận	Lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí sản xuất kinh doanh gồm: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp; chi phí phục vụ sản xuất chung (chưa bao gồm chi phí sửa chữa cơ khí, công trình); chi phí hợp lý, hợp lệ khác; chi phí quản lý.	$LN = TC \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ lợi nhuận}$	Phù hợp với nội dung và kết cấu của Thông tư số 45/2024/TT-BTC
VI. Thuế giá trị gia tăng	Theo quy định Luật thuế	Theo quy định Luật thuế	